TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ngọc Phượng.

2. Ông Mai Thanh Tùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 333/2024/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 2004;

Địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

* Bị đơn: Anh Phạm Hải Đ , sinh năm 2003.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Phạm Hải Đ tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2023. Đến ngày 20/11/2023 chị N và anh Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn, chị N và anh Đ chung sống tại nhà bố mẹ đẻ chị N tại xã T, huyện M,

tỉnh Hòa Bình. Chị N và anh Đ kết hôn được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách sống cũng như các vấn đề khác trong hôn nhân. Chị N và anh Đ đã sống ly thân với nhau từ tháng 4/2024 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Hải Đ.

Về con chung: Chị Hà Thị N và anh Phạm Hải Đ có 01 con chung là cháu Phạm Như Q, sinh ngày 03/11/2023. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Không yêu cầu anh Phạm Hải Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã Thông báo, triệu tập anh Phạm Hải Đ đến để giải quyết việc chị Hà Thị N đề nghị ly hôn nhưng anh Đ đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị N. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Đ vẫn đăng ký thường trú tại thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Phạm Văn L (bố đẻ của anh Phạm Hải Đ) cung cấp như sau: Chị N và anh Đ được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được hai bên gia đình tổ chức lễ ăn hỏi theo phong tục địa phương nhưng chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị N và anh Đặng C sống cùng gia đình chị N tại xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thì ông được anh Đ nói lại là do gia đình chị N coi thường anh Đ nên khó sống cùng bố mẹ vợ, còn chị N gọi điện kể cho ông L là do anh Đ1 đã có tình cảm với người khác.

Ông L xác định, việc chị N nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án anh Đ có được biết, tuy nhiên do anh Đ đang đi làm ăn xa nên không thể về theo Giấy triệu tập của Tòa án. Địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh Đ ở đâu thì ông L cũng không được biết, nên ông L không cung cấp được địa chỉ nơi làm việc của anh Đ cho Tòa án, ông L xác định khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án ông L đã thông báo cho anh Đ biết việc chị N xin ly hôn nhưng anh Đ không về. Chị Hà Thị N và anh Phạm Hải Đ có 01 con chung là cháu Phạm Như Q, sinh ngày 03/11/2023.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Hà Thị N; cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Phạm Hải Đ.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Như Q, sinh ngày 03/11/2023 cho chị Hà Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Hải Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Hà Thị N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hà Thị N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Anh Phạm Hải Đ không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Hà Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Hải Đ; anh Phạm Hải Đ đăng ký thường trú tại thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Phạm Hải Đ đăng ký thường trú tại thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Anh Đ đi làm ăn xa, không thông báo địa chỉ nên không rõ địa chỉ cụ thể hiện nay của anh Đ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập, gia đình anh Đ đã thông báo cho anh Đ nhưng anh Đ vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Phạm Hải Đ vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Hà Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh Đ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2023 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của ông Phạm Văn L và kết quả xác minh tại thôn T, xã V, huyện C cho thấy: Quá trình chung sống giữa chị N và anh Đ xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị N, anh Đ thực tế đã không tồn tại từ tháng 4/2024 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị N và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Phạm Hải Đ.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh Đ có 01 con chung là cháu Phạm Như Q, sinh ngày 03/11/2023. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh Đ, nhưng anh Đ không có văn bản trình bày ý kiến về nguyện vọng của mình về con chung khi ly hôn, hiện nay anh Đ đi làm ăn xa thường xuyên không có mặt tại địa phương. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Như Q, sinh ngày 03/11/2023 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn do chị N không yêu cầu, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị N xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hà Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, anh Phạm Hải Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Hà Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Phạm Hải Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 20/11/2023 của UBND xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình).

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Như Q, sinh ngày 03/11/2023 cho chị Hà Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Hải Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Chị Hà Thị N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002563499 ngày 26/12/2024 của Đơn vị trung gian thanh toán Công ty cổ phần T và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000738, ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa nay được trừ vào tiền án phí. Chị Hà Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Hải Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị N và anh Phạm Hải Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Thành Sơn (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Phượng Tùng **Mai Thanh** **Đào Thị Bích Ngọc**